

## BÀI 12: GIAO TIẾP VỚI HỆ ĐIỀU HÀNH

### 1. Nạp hệ điều hành

- Để làm việc với máy tính, hệ điều hành phải được nạp vào bộ nhớ trong
- Các bước nạp hệ điều hành:
  - + Có đĩa khởi động.
  - + Bật nguồn khi máy đang ở trạng thái tắt hoặc nhấn nút Reset nếu máy đang mở.



**hình 34. đĩa cài hệ điều hành**

- Khi bật nguồn, chương trình sẵn có trong ROM sẽ:
  - + Kiểm tra bộ nhớ trong và các thiết bị đang được nối với máy tính.
  - + Tìm chương trình khởi động trên đĩa khởi động, nạp vào bộ nhớ trong và kích hoạt nó.
  - + Chương trình khởi động sẽ tìm các môđun cần thiết của hệ điều hành trên đĩa khởi động và nạp chúng vào bộ nhớ trong.

### 2. Cách làm việc với hệ điều hành

Người dùng có thể đưa yêu cầu hoặc thông tin vào hệ thống bằng 2 cách:

- **Cách 1: Sử dụng các lệnh (Command).**

- Ưu điểm: Giúp hệ thống biết chính xác công việc cần làm và thực hiện lệnh ngay lập tức.

- Nhược điểm: Người sử dụng phải biết câu lệnh và phải gõ trực tiếp trên máy tính.

```
C:\>DIR D:
Volume in drive D is Data1
Volume Serial Number is 0547-9C80

Directory of D:\

06/16/2007  03:02 PM    <DIR>          N3LDKH2
09/03/2007  12:16 PM    <DIR>          BORLANDC
12/07/2007  07:52 PM             1.197.755  bai3.exe
06/16/2007  03:16 PM    <DIR>          Tuan Ngoc
06/16/2007  03:07 PM    <DIR>          Thu Quyen
07/23/2007  03:12 PM    <DIR>          Linh Duy
12/07/2007  07:55 PM             1.097.277  bai3.rar
12/01/2007  07:00 PM    <DIR>          Duy Tan
09/05/2007  05:45 AM    <DIR>          GIAO AN TIN 10(moi)
10/16/2007  12:46 PM             16.224  AutoUpdate.fon
10/28/2007  01:41 PM    <DIR>          Pascal ?
11/07/2007  06:43 PM    <DIR>          Visual C++
12/08/2007  02:22 PM             58.880  Kientra.doc
12/08/2007  07:22 PM    <DIR>          TinHoc10
               4 File(s)          2.370.136 bytes
              10 Dir(s)    5.199.929.344 bytes free

C:\>
```

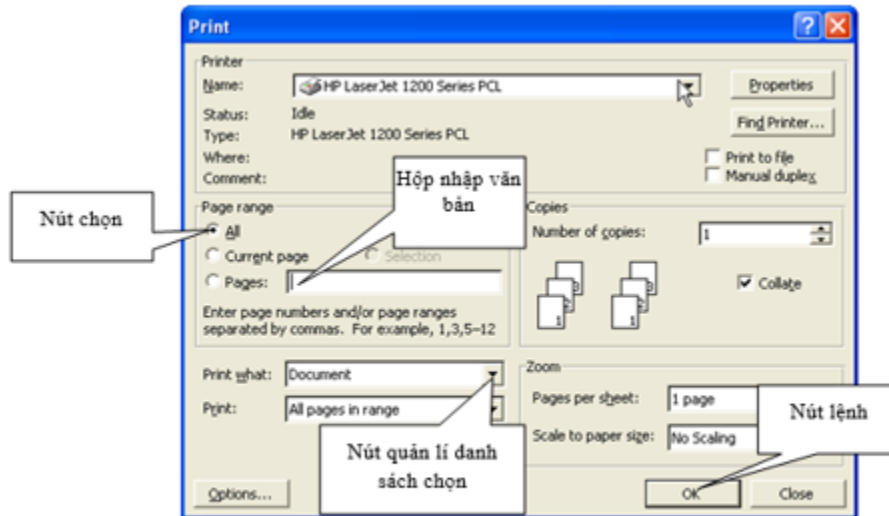
hình 35. gõ lệnh DIR D: để xem nội dung trên ổ đĩa D

- **Cách 2: Sử dụng các đề xuất do hệ thống đưa ra như nút lệnh, bảng chọn**

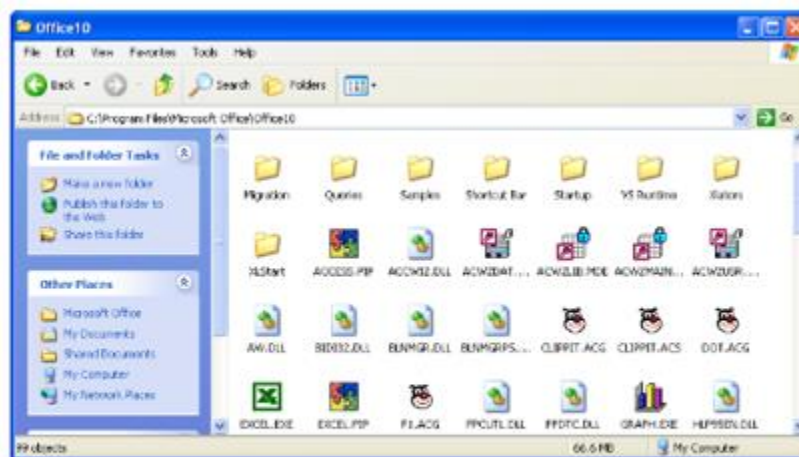
- Ưu điểm: Có giao diện thân thiện với người dùng. Người dùng không cần biết lệnh vẫn có thể thực hiện chức năng của các lệnh.

- Khi sử dụng bảng chọn hệ thống sẽ chỉ ra những việc có thể thực hiện hoặc những giá trị có thể đưa vào, người sử dụng chỉ cần chọn công việc hay tham số thích hợp.

- Bảng chọn có thể là dạng văn bản (hình 36), dạng biểu tượng (hình 37) hoặc kết hợp cả văn bản với biểu tượng.



hình 36. Hộp thoại dạng văn bản



hình 37. Cửa sổ chứa các biểu tượng

### 3. Ra khỏi hệ thống

- Là việc phải thực hiện khi người dùng kết thúc phiên làm việc.
- Ý nghĩa: Để hệ điều hành dọn dẹp các tệp trung gian, lưu các tham số cần thiết, ngắt mạng,.. tránh mất mát tài nguyên và chuẩn bị cho những phiên làm việc sau.
- Gồm 3 chế độ chính:
  - + Tắt máy (**Shut Down hoặc Turn off**)

+ Tạm ngừng (**Stand By**)

+ Ngủ đông (**Hibernate**)



**hình 38. các chế độ ra khỏi hệ thống**

## **B. Trắc nghiệm**

**Câu 1:** Hãy chọn phương án đúng. Để đăng nhập vào hệ thống, người dùng phải được hệ thống xác nhận:

- A. Tên máy tính và mật khẩu;
- B. Họ tên người dùng và tên máy tính;
- C. Tên và mật khẩu của người dùng đăng kí trong tài khoản.**
- D. Họ tên người dùng và mật khẩu;

**Câu 2:** Điền từ thích hợp vào chỗ trống(.....)

Để nạp hệ điều hành cần phải có đĩa khởi động, đĩa này chứa các chương trình .....

- A. Cần thiết cho việc nạp chương trình pascal
- B. Cần thiết cho việc nạp Microsoft Word

C. Cần thiết cho việc nạp Excel

**D. Cần thiết cho việc nạp hệ điều hành**

**Câu 3:** Chọn cách tốt nhất khi thoát khỏi hệ điều hành:

A. Nhấp chọn Start/ Shut down (hoặc Turn Off)/ OK

B. Tắt nguồn điện bằng cách nhấn vào nút Power trên thân máy

**C. Nhấp chọn Start/ Shut down (hoặc Turn off)/ Shut Down (hoặc Turn Off)**

D. Nhấp chọn Start/ Shut down/ Stand by/ OK

**Câu 4:** Chế độ ra khỏi hệ thống nào là an toàn cho máy nhất?

A. Hibernate

B. Stand By

C. Restart

**D. Turn off**

**Câu 5:** Phát biểu nào là chưa chính xác khi nói về chế độ Hibernate?

**A. Chọn Hibernate, hệ điều hành sẽ sao lưu toàn bộ thông tin trong RAM**

B. Hibernate cho phép người sử dụng tạm thời không dùng máy trong thời gian 2 - 5 giờ

C. Muốn sử dụng chức năng Hibernate, ổ cứng phải có dung lượng lớn hơn hoặc bằng RAM

D. Hibernate là chức năng của hệ điều hành nhưng có một số máy không có chức năng này

**Câu 6:** Chế độ nào sau đây dùng để tạm dừng làm việc với máy tính trong một khoảng thời gian (khi cần làm việc trở lại chỉ cần di chuyển chuột hoặc ấn phím bất kỳ):

A. Restart

B. Shut down

**C. Stand by**

D. Restart in MS DOS Mode

**Câu 7:** Khi máy tính đang ở trạng thái hoạt động (hoặc bị "treo"), để nạp lại hệ thống (khởi động lại) ta thực hiện:

A. Ấn nút công tắc nguồn (Power)

**B. Ấn tổ hợp phím CTRL+ALT+DELETE (hoặc nút RESET trên máy tính)**

C. Rút dây nguồn điện nối vào máy tính

D. Ấn phím F10

**Câu 8:** Để tránh mất mát tài nguyên và chuẩn bị cho lần làm việc tiếp theo được thuận tiện, khi ra khỏi hệ thống (kết thúc công việc). Người sử dụng thực hiện:

A. Ấn công tắc nguồn (nút Power) để tắt máy tính

B. Chọn tùy chọn STAND BY

**C. Chọn tùy chọn SHUT DOWN**

D. Chọn tùy chọn RESTART

**Câu 9:** Để khởi động lại máy tính ta thực hiện:

A. Ấn nút Reset trên máy tính

B. Gõ tổ hợp phím CTRL – ALT – DEL

C. Cả hai câu A, B đều đúng

**D. Cả hai câu A, B đều sai**

**Câu 10:** Hãy sắp xếp thứ tự các công việc thực hiện tuần tự khi nạp hệ điều hành.

1. Nạp hệ điều hành vào bộ nhớ trong.

2. Kiểm tra các thiết bị kết nối với máy tính.

3. Cắm nguồn và Bật máy.

4. Tìm chương trình khởi động trên đĩa khởi động.

A. 1 - 3 - 2 - 4

B. 2 - 4 - 1 - 3

**C. 3 - 2 - 4 - 1**

D. 4 - 1 - 3 - 2